

Số: 20 /QĐ-UBND

Bách Quang, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án
Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I (Giai đoạn 2 và giai đoạn 3)
(Lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN 3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17,
CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05)
(đất do UBND phường Bách Quang quản lý)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÁCH QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Sông Công I, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-HTKCN ngày 08/11/2024 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Thái Nguyên về việc phê duyệt điều

chính dự án Đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng KCN Sông Công I, giai đoạn 2 (Lô A, B, C, H1);

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-HTKCN ngày 08/11/2024 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng giai đoạn 3 của KCN Sông Công I;

Thực hiện nội dung Thông báo số 22/TB-UBND ngày 17/01/2025 của UBND thành phố Sông Công về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I (giai đoạn 2 và giai đoạn 3) (lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17, CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05);

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I (Giai đoạn 2 và giai đoạn 3) (lô CN2-6, CN2-9, CN3-2, CN3-3, CN3-4, CN3-8, CX-04, CX-16, CX-17, CX-18, CX-20, CX-21, HT-07, MN-05)- Đất công;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bách Quang tại Tờ trình số 10 /TTr-KTHT&ĐT ngày 8 /01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi **9.816,1** m² đất do UBND phường Bách Quang quản lý tại phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên.

Trong đó:

- Đất tín ngưỡng (TIN): 339,4 m²
- Đất giao thông (DGT): 7.815,8 m²
- Đất thủy lợi (DTL): 1.428,0 m²
- Đất sinh hoạt cộng đồng (DHS): 232,9 m²

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công I.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bách Quang có trách nhiệm niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bách Quang và tại Nhà văn hóa của TDP Làng Mới, TDP Cầu Sắt.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Văn phòng HĐND-UBND phường Bách Quang có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND phường Bách Quang.

3. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bách Quang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực III thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực III, Chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy phường (B/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND phường (B/c);
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VP, KTHT&ĐT (20b).

Namnh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

PHỤC LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số **20** /QĐ-UBND ngày **08** tháng 01 năm 2026 của UBND phường Bách Quang)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Mảnh bản đồ trích lục	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(13)
1	UBND phường Bách Quang	TDP Làng Mới; TDP Cầu Sắt - P.Bách Quang									
			49	25				339,4	TIN	1	Không có GCN
			104	25				232,9	DHS	1	Không có GCN
			236	17				20,6	DTL	1	Không có GCN
			279	17				10,1	DTL	1	Không có GCN
			62	25				133,1	DTL	1	Không có GCN
			134	25				57,4	DTL	1	Không có GCN
			237	25				224,4	DTL	1	Không có GCN
			93	25				283,6	DTL	1	Không có GCN
			213	25				2254,1	DGT	1	Không có GCN
			220	17				164,4	DTL	1	Không có GCN
			211	17				192,0	DTL	1	Không có GCN
			282	17				8,1	DTL	1	Không có GCN
			227	17				90,8	DTL	1	Không có GCN
			120	17				148,8	DTL	1	Không có GCN
			119	17				68	DGT	1	Không có GCN
			280	17				70,4	DGT	1	Không có GCN
			119	17				2176,5	DGT	1	Không có GCN
			143	18				35,3	DTL	1	Không có GCN
			168	18				44,6	DTL	1	Không có GCN
			125	18				2225,8	DGT	1	Không có GCN
			43	19				14,8	DTL	1	Không có GCN
			34	19				79,6	DGT	1	Không có GCN
			47	27				941,4	DGT	1	Không có GCN
TỔNG CỘNG:						-	-	9.816,1			